

MA TRẬN ĐỀ KIỂM GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024- 2025
MÔN NGỮ VĂN 9

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị KT	Mức độ nhận thức								Tổng		Tỉ lệ % tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ song thất lục bát	4			2		2			4	4	50
2	Viết	Viết bài văn nghị luận văn học (phân tích một bài thơ/ đoạn trích song thất lục bát)		2*		1*		1*		1*		1	50
Tỷ lệ %			20	20		25		25		10	20	80	100
Tổng			40%		25%		25 %		10 %		100%		100%
Tỷ lệ chung			65%				35%				100%		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Đoạn trích thơ song thất lục bát	Nhận biết: - Nhận biết được thể thơ. - Nhận biết được từ Hán Việt. - Nhận biết được hình ảnh, thể hiện qua trong đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ. - Hiểu được nội dung của đoạn trích. Vận dụng: - Nêu được và lí giải ấn tượng của mình về đoạn trích. - Trình bày được suy nghĩ của cá nhân gợi ra từ đoạn trích.	4 TN	2 TL	2 TL	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận văn học (phân tích một bài thơ/đoạn trích song thất lục bát)	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản nghị luận về một bài thơ/đoạn trích song thất lục bát, bài viết có bố cục 3 phần. Thông hiểu: Biết dùng từ ngữ, câu văn đảm bảo ngữ pháp để nêu nhận xét của mình về nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật. Vận dụng: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phương tiện liên kết, các kĩ năng lập luận, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài				1 TL*

			thơ/ đoạn trích. Vận dụng cao: Sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng một cách thuyết phục.				
Tổng				4 TN 1*	2 TL 1*	2 TL 1*	1*
Tỉ lệ %				40	25	25	10
Tỉ lệ chung				65		35	

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC - HIỂU (5.0 điểm).

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Chốn ải Bắc mây sâu ảm đạm,
Cõi giới Nam gió thảm điều hiu,
Bốn bề hồ thét chim kêu,
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình.

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
Chút thân tàn lặn bước dậm khơi,
Trông con tằm tã châu rơi,
Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên.

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định,
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay,
Trời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng, hiệp nữ xưa nay kém gì!

Than vận nước gặp khi biến đổi,
Đề quân Minh thừa hội xâm lăng,
Bốn phương khói lửa bùng bùng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông!

(Trích “Hai chữ nước nhà”, Trần Tuấn Khải, Tinh tuyển văn học Việt Nam (1930-1945), tập 7, quyển 1, NXB Khoa học xã hội, 2004).

*** Chú thích:**

- Trần Tuấn Khải Tên thật là Nguyễn Tuấn Khải (1895- 1983), bút hiệu là Á Nam. Quê quán tại làng Quang Xán, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông là một nhà yêu nước; thường mượn những đề tài lịch sử, hoặc những biểu tượng nghệ thuật để bộc lộ nỗi đau mất nước, nỗi căm thù quân giặc thêm vào đó là khích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào, tỏ lòng khát khao độc lập, tự do. Trần Tuấn Khải có một số tác phẩm tiêu biểu như Bút quan hoài I, II; Sơn hà I, II.

- “Hai chữ nước nhà” là bài thơ mở đầu tập Bút quan hoài I (1924), đoạn trích trên đây là phần mở đầu của bài thơ.

Chọn đáp án đúng và ghi vào giấy bài làm (từ câu 1 đến câu 4)

Câu 1 (0.5 điểm). Đoạn trích trên thuộc thể loại văn học nào?

- A. Thơ song thất lục bát. B. Truyện thơ Nôm. C. Thơ Đường luật. D. Thơ lục bát.

Câu 2 (0.5 điểm). Đoạn thơ gợi lên hoàn cảnh lịch sử nào của dân tộc Việt Nam?

- A. Thời kỳ chống quân Tống xâm lược. B. Thời kỳ chống Pháp.
C. Thời kỳ nhà Trần chống quân Nguyên Mông. D. Thời kỳ quân Minh xâm lược.

Câu 3 (0.5 điểm) Trong câu "Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định," từ "hoàng thiên" có nghĩa là gì?

- A. Trời cao. B. Mặt đất. C. Biển cả. D. Núi non.

Câu 4 (0.5 điểm). Câu thơ nào thể hiện tinh thần yêu nước?

- A. "Mây sâu âm đạm". B. "Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước".
C. "Bốn bề hồ thét chim kêu". D. "Chút thân tàn lẩn bước dặm khơi".

Thực hiện các yêu cầu/Trả lời các câu hỏi:

Câu 5. (0.75 điểm). Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng.

*Chốn ải Bắc mây sâu âm đạm,
Cõi trời Nam gió thảm điều hiu,
Bốn bề hồ thét chim kêu,
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình.*

Câu 6 (0.75 điểm). Nêu khái quát nội dung của đoạn trích.

Câu 7 (0.75 điểm). Lời khuyên nhủ của người cha dành cho con có ý nghĩa gì?

Câu 8 (0.75 điểm). Từ thông điệp của đoạn trích, em có trách nhiệm như thế nào trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời đại mới.

II. VIẾT (5.0 điểm).

Viết bài văn phân tích đoạn trích sau:

Trông bên nam bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um dàu muốt màu xanh,
Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.

Trông đường bắc đôi chòm quán khách,
Rườn rà cây xanh ngắt núi non,
Lúa thành thoi thót bên cồn,
Nghe thôi ngọc địch véo von trên lầu.

Non đông thấy lá hầu chắt đông,
Trĩ xập xòe, mai cũng bẻ bai,
Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió, lạc loài kêu sương.

Lũng Tây thấy nước đường uốn khúc,
Nhạn triện không, sóng giục thuyền câu,
Ngàn thông chen chúc khóm lau,
Cách ghềnh thấp thoáng người đầu đi về.

Trích “*Chinh phụ ngâm khúc*” của Đặng Trần Côn
do Đoàn Thị Điểm dịch.

*** Chú thích:** Lũng Tây là một huyện thuộc tỉnh Cam Túc, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Ngày xưa, nơi đây là chiến trường giữa người Hán và người Hồ.

-Hết-

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của học sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. ĐỌC - HIỂU (5.0 điểm).

Câu	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	A	0.5
2	D	0.5
3	A	0.5
4	B	0.5
5	- Biện pháp tu từ nhân hoá: " <i>Mây sầu ảm đạm</i> ", " <i>gió thảm điều hiu</i> ".	0.25
	- Tác dụng: + Nhấn mạnh khung cảnh điều hiu, ảm đạm khi hai cha con phải chia li trong cảnh mất nước. + Làm cho câu thơ sinh động, giàu hình ảnh, tăng giá trị biểu cảm. Thể hiện sự cảm thông, thấu hiểu và xót xa của tác giả.	0.5
6	* Nội dung khái quát: - Tác giả đã mượn một câu chuyện lịch sử có sức gợi cảm vô cùng lớn để bộc lộ được tình cảm mãnh liệt với đất nước, khích lệ lòng yêu nước của đồng bào, dân tộc. - Đoạn mở đầu là nỗi lòng người cha trong cảnh ngộ éo le, đau đớn. + Mức 1 (0.75 điểm): HS trả lời cơ bản được 2 ý trên; diễn đạt rõ ràng. + Mức 2 (0.5 điểm): HS trả lời được 1 ý, diễn đạt rõ ràng. + Mức 3 (0.25 điểm): Học sinh trả lời 1 ý nhưng chưa trọn vẹn. + Mức 4 (0 điểm): HS chưa trả lời hay trả lời không liên quan.	0.75
7	* Ý nghĩa của lời khuyên: - Lời khuyên của người cha nhắc nhở con cái về lịch sử hào hùng và trách nhiệm gìn giữ quê hương. Điều này không chỉ mang tính giáo dục mà còn tạo động lực cho thế hệ trẻ đứng lên đấu tranh vì độc lập tự do. - Những lời khuyên này có giá trị lâu dài, khuyến khích tình yêu nước và tinh thần trách nhiệm với dân tộc. + Mức 1 (0.75 điểm): HS trả lời cơ bản được các ý trên; diễn đạt rõ ràng. + Mức 2 (0.5 điểm): HS trả lời được 1 ý, diễn đạt rõ ràng. + Mức 3 (0.25 điểm): Học sinh trả lời 1 ý nhưng chưa trọn vẹn.	0.75

	+ Mức 4 (0 điểm): HS chưa trả lời hay trả lời không liên quan.	
8	Trách nhiệm của em theo các gợi ý: - Cần biết ơn và luôn ghi nhớ những hy sinh của cha ông trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc. - Ý thức bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, luôn cảnh giác trước những nguy cơ có thể gây hại đến sự ổn định và an toàn của đất nước. - Tích cực học tập và rèn luyện. - Đoàn kết và tham gia các hoạt động xã hội: - Không ngừng phát huy tinh thần sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp để đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Mức 1 (0.75 điểm): Học sinh nêu được những trách nhiệm có ý nghĩa đúng đắn, hợp lý. Mức 2 (0.5 điểm): HS có nêu được được những trách nhiệm nhưng chưa đầy đủ (ít nhất được 3 gợi ý trên) Mức 3 (0.25 điểm): HS có nêu được điều mình học được nhưng chưa đầy đủ (ít nhất được 2 gợi ý trên) Mức 4 (0 điểm): HS có nêu được điều mình học nhưng không chính xác, không liên quan đến nội dung đoạn thơ hoặc không trả lời.	0.75

II. VIẾT (5.0 điểm).

VIẾT	5.0
a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận văn học.	0.25
b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Phân tích đoạn trích thơ song thất lục bát trích từ “Chinh phụ ngâm khúc” của tác giả Đặng Trần Côn do Đoàn Thị Điểm dịch.	0.5
c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: Mở bài: Giới thiệu khái quát về đoạn trích và nêu nhận định chung về đoạn trích. Thân bài: Lần lượt phân tích theo bố cục hoặc đi từ nội dung đến nghệ thuật của đoạn trích...HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau một cách linh hoạt. Sau đây là vài gợi ý chính: - LD 1: Mùa xuân đến, lòng người phụ nữ trẻ còn nhiều khao khát, mong đợi. Nàng tủi cho thân phận cô đơn của mình. - LD2: Mùa hè đến, nàng chinh phụ cảm thấy lẻ loi trước cảnh tiêu điều. - LD3: Mùa thu đến, nàng chinh phụ thổn thức, thương mình bao nhiêu lại thương chồng nơi biên ải bấy nhiêu. - LD4: Mùa đông đến, nàng thất vọng lại càng sầu tủi. - LD 5: Phân tích giá trị nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó trong biểu đạt nội dung đoạn trích thơ: + Sự phối hợp giữa nhịp lẻ và nhịp chẵn ở câu thất và câu lục, bát làm cho âm điệu thơ, giai điệu thơ biến hoá đa thanh, phức điệu. + Bút pháp tả cảnh ngụ tình điêu luyện.	2.5

+ Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh và biểu cảm. Các từ chỉ màu sắc (cỏ biếc um dàu, mướt màu xanh, khói mù nghi ngút ngàn khơi...), các từ tượng hình (<i>chông chênh, rờm rà, thoi thóp, xập xoè</i>...) được tác giả (dịch giả) vận dụng thần tình, điêu luyện)... => Những đặc sắc trên góp phần diễn tả tinh tế các cung bậc cảm xúc của người chinh phụ. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.	
<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm về nội dung chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lý lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.	1.0
<i>đ. Diễn đạt:</i> đảm bảo đúng chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0.25
<i>e. Sáng tạo:</i> có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0.5

HẾT